TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HS-ST
Ngày: 27-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hồng Điều

2. Bà Nguyễn Thị Hưởng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2020/HSST ngày 04 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Bùi Minh T, tên gọi khác: B, sinh năm 1989 tại Long An. ĐKTT: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1948 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1949; bản thân chưa có vợ con; Tiền án; tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 06/01/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xử phạt 06 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, đã chấp hành xong và được đương nhiên xóa án tích, Ngày 19/7/2016 bị Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù tội Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong và được đương nhiên xóa án tích; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/01/2020 cho đến nay, có mặt.

- *Bị hại:* Trần Văn D, sinh năm 1987

ĐKTT: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Lê Minh T, sinh năm 1989

ĐKTT: Ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Phạm Duy L, sinh năm 1976.

ĐKTT: Ấp 5, xã P, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

2. Nguyễn Duy P, sinh năm 1985

ĐKTT: Ấp 1, xã P, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 17/5/2019 Bùi Minh T điều khiển xe mô tô biển số 24X7–0168 đi từ nhà ở ấp 3 xã P, huyện C, tỉnh Long An đến quán bida 6666 thuộc ấp 5, xã P, huyện B, Long An uống cà phê và xem đánh bida. Đến khoảng 8 giờ 30 phút T ra lấy xe về thì phát hiện trên xe mô tô biển số 54T4-3155 của anh Trần Văn D ngụ ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang (dựng cạnh xe của T) có để một chiếc điện thoại di động cảm ứng hiệu Huawei Y7 Pro 2018 màu đen trong cái hộc nhỏ dưới cổ xe, quan sát thấy không có ai trông coi nên T tiếp cận xe anh D lén lút lấy trộm chiếc điện thoại rồi lên xe chạy đến cửa hàng điện thoại di động M của anh Lê Minh T tại ấp 4, xã P, huyện C bán được số tiền là 1.200.000 đồng.

Sau khi phát hiện mất điện thoại di động, anh D đã báo đến công an xã P, qua trích xuất camera Công an xã P triệu tập làm việc thì T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra, T bỏ trốn khỏi địa phương đến ngày 07/01/2020 bị bắt tạm giam cho đến nay.

Theo bản kết luận số 30/KL-HĐĐG ngày 24/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bến Lức, đã định giá trị còn lại của chiếc điện thoại di động cảm ứng hiện Huawei Y7 Pro 2018 trị giá 2.399.000 đồng.

Tại cáo trạng số 19/CT-VKSBL ngày 04-02-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo Bùi Minh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Minh T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội bị cáo thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã nêu, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo Bùi Minh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội đúng pháp luật, không oan.

Theo lời khai tại cơ quan điều tra bị hại Trần Văn D trình bày: Khoảng 07 giờ ngày 17/5/2019 anh điều khiển xe mô tô đến quán bida 6666 tại ấp 5, xã P, huyện B để đánh bida cùng với bạn. Khi đến quán bida thì anh có lấy điện thoại ra sử dụng, sau đó anh để vào trong cái hộc nhỏ ngay cổ xe rồi vào trong quán chơi bida đến khoảng 10 giờ cùng ngày thì ra về, khi lấy xe thì anh phát hiện mất điện thoại nên có nhờ chủ quán xem lại camera thì thấy một nam thanh niên đã đi lại nơi anh để điện thoại và lấy trộm điện thoại của anh nên anh đến cơ quan công

an trình báo. Sau khi sự việc xảy ra, anh đã nhận lại tài sản bị mất trộm, yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì thêm.

Theo lời khai tại cơ quan điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Minh T trình bày: anh kinh doanh mua bán điện thoại đi động tên cửa hàng M tại ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh Long An. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 17/5/2019 có một nam thanh niên đến cửa hàng của anh để bán 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu HUAWEI LDN LX2, anh xem máy và đồng ý mua với giá 1.200.000đ, nam thanh niên đồng ý bán. Anh giao đủ cho nam thanh niên số tiền 1.200.000đ. Đến ngày 20/5/2019 lực lượng công an đến làm việc thì anh mới biết người bán điện thoại cho anh là Bùi Minh T, anh cũng không biết nguồn gốc máy ở đâu mà có và anh đã giao nộp lại điện thoại đã mua cho cơ quan công an. Sau khi sự việc xảy ra, anh yêu Bùi Minh T phải trả lại cho anh số tiền đã mua điện thoại là 1.200.000đ, ngoài ra anh không yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 như cáo trạng của viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo là đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, do đó cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Bùi Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Bùi Minh T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Do hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với Lê Minh T đã mua điện thoại di động của Bùi Minh T nhưng không biết tài sản là do T phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, anh Trần Văn D đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Anh Lê Minh T yêu cầu bị cáo T hoàn trả lại số tiền 1.200.000 đồng đã mua chiếc điện thoại đi động. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý trả lại cho anh T số tiền 1.200.000đ nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về vật chứng: 01 điện thoại di động cảm ứng hiện Huawei Y7 Pro 2018, hiện cơ quan điều tra đã hoàn trả lại cho anh Trần Văn D là phù hợp.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu, bị cáo xác định cáo trạng truy tố bị cáo là không oan sai bị cáo không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử khoan hồng cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản định giá tài sản, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa nên có đủ cơ sở khẳng định xuất phát từ lòng tham lam, động cơ mục đích vụ lợi, vào khoảng 8 giờ 30 phút ngày 17/5/2019 lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, bị cáo Bùi Minh T đã lén lút thực hiện hành vi lấy cắp 01 điện thoại di động cảm ứng hiện Huawei Y7 Pro 2018 của anh Trần Văn D có giá trị là 2.399.000 đồng, đem bán lấy tiền tiêu xái cá nhân. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, do đó Cáo trạng Viện kiểm sát huyện Bến Lức truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, bị cáo đã lén lút lấy lấy trộm tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, mặt khác sau khi phạm tội trong quá trình điều tra bị cáo T có hành vi bỏ trốn nên đã gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án của Cơ quan tiến hành tố tụng. Xét

tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả của vụ án cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định, xét thấy theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Đối với Lê Minh T đã mua chiếc ĐTDĐ của Bùi Minh T nhưng không biết tài sản là do T phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, anh Trần Văn D đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Anh Lê Minh T yêu cầu bị cáo T hoàn trả lại số tiền 1.200.000 đồng đã mua điện thoại đi động. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý trả lại cho anh T số tiền 1.200.000đ, xét thấy việc đồng ý bồi thường của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự ghi nhận sự tự nguyện bồi thường giữa bị cáo và anh T. Bị cáo Bùi Minh T có trách nhiệm bồi thường cho anh Lê Minh T 1.200.000đ.

[6] Về vật chứng: 01 điện thoại di động cảm ứng hiện Huawei Y7 Pro 2018, hiện cơ quan điều tra đã hoàn trả lại cho anh Trần Văn D là phù hợp không xét đến.

[7] Về án phí: Bị cáo Bùi Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Minh T phạm tội *"Trộm cắp tài sản".*

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Bùi Minh T 01 (một) năm tù, thời gian tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 07-01-2020.

2. Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo Bùi Minh T trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 27-02-2020 để đảm bảo kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

3. Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Bùi Minh T. Bị cáo Bùi Minh T có trách nhiệm bồi thường cho anh Lê Minh T số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Bùi Minh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bến Lức;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bến Lức;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lê Hùng Cường